

UBND TỈNH HÀ TĨNH
**LIÊN NGÀNH: VPĐP CHƯƠNG
TRÌNH MTQG XD NTM - SỞ TÀI
CHÍNH - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ - KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Số 120 /LN-VPĐP-STC-SKHĐT-KBNN

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Về việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Căn cứ Văn bản số 4571/BTC-ĐT ngày 10/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý thanh toán, quyết toán vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các Văn bản hiện hành của Trung ương có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của Hội đồng nhân dân về việc quy định sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Căn cứ Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 quy định về cơ chế lồng ghép, quản lý và mức hỗ trợ của các nguồn vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh trực tiếp thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Liên ngành: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

A. Quản lý, sử dụng và thanh toán vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (trừ vốn thực hiện các Chương trình MTQG trước đây lồng ghép vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được quy định ở mục B)

I. PHÂN BỐ VÀ CẤP PHÁT

1. Phân bổ vốn

1.1. Ở cấp huyện

Căn cứ Quyết định phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của UBND tỉnh, UBND cấp huyện ra Quyết định hoặc Thông báo phân bổ vốn cho các xã, đơn vị chi tiết theo từng nội dung và nguồn vốn được tỉnh phân bổ, đảm bảo theo mức đã quy định theo loại nhóm xã; chậm nhất không quá 10 ngày kể từ ngày UBND tỉnh có Quyết định.

Một số điểm cần lưu ý:

- Đối với những nội dung chưa xác định được đơn vị, xã thực hiện thuộc thẩm quyền của cấp huyện, UBND cấp huyện phải tiến hành khảo sát, lựa chọn, có phương án giao đơn vị hoặc xã thực hiện cụ thể, kịp thời theo tiến độ thực hiện.

- Đối với vốn hỗ trợ lãi suất: Thông báo mức được hỗ trợ cho các xã, đê chung tại cấp huyện, cấp cho các xã thanh toán theo thực tế thực hiện.

- Đối với những nội dung, công việc trước khi thực hiện phải có ý kiến của các Sở, ngành chỉ đạo hướng dẫn theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp huyện ra Thông báo phân bổ cho các xã, đơn vị thực hiện sau khi đã có sự thống nhất của các Sở, ngành.

1.2.3. Ở xã

Căn cứ Quyết định hoặc Thông báo của UBND huyện về phân bổ vốn, UBND các xã phân bổ theo từng nội dung, công việc sử dụng đảm bảo phù hợp với quy định của từng nguồn vốn, phải hoàn thành việc phân bổ chậm nhất 15 ngày kể từ ngày UBND huyện có Quyết định hoặc Thông báo phân bổ vốn (trừ trường hợp cá biệt phải có ý kiến của các cơ quan liên quan thì việc phân bổ phải hoàn thành chậm nhất không quá 3 ngày kể từ ngày đã có ý kiến thống nhất của các cơ quan liên quan).

a. Đối với vốn đầu tư phát triển:

- Phải phân bổ chi tiết đến từng công trình, xác định rõ số tiền theo từng loại nguồn vốn (vốn Trung ương (Trái phiếu Chính phủ, ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình), vốn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, cấp xã bố trí trực tiếp thực hiện chương trình, vốn tự huy động, vốn khác) đối với từng công trình.

- Việc phân bổ kinh phí cần ưu tiên thực hiện xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, nước sạch và vệ sinh môi trường, lề đường giao thông, cơ sở hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao ở thôn, các trường học, trạm y tế chưa đạt chuẩn và hạ tầng thiết yếu khác, nhất là các công trình ở thôn.

- Tiền thường để xây dựng công trình phúc lợi đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới, được phân bổ xây dựng một hoặc một số công trình nhưng phải đảm bảo đó là

công trình phúc lợi, phát huy hiệu quả cao, ý nghĩa tiền thưởng có tác dụng tuyên truyền tốt.

b. Đối với vốn sự nghiệp:

- Thứ tự phân bổ ưu tiên như sau:

+ Hỗ trợ lập Sơ đồ Quy hoạch - Thiết kế vườn hộ;

+ Xây dựng các mô hình phát triển sản xuất kinh doanh, vườn mẫu;

+ Xử lý môi trường (đối với xã đăng ký đạt chuẩn trong năm ưu tiên xét nghiệm mẫu nước theo quy định – ít nhất 2 lần, 1 lần đầu năm và 1 lần trước khi đánh giá công nhận đạt chuẩn; được sử dụng kinh phí để hỗ trợ lắp đặt thiết bị nhỏ lẻ đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch, đủ lượng nước theo quy chuẩn đối với vùng chưa có công trình cấp nước tập trung trên cơ sở bàn bạc dân chủ, thiết thực, hiệu quả, cân đối nguồn lực);

+ Đào tạo, tập huấn về nông thôn mới;

+ Số còn lại được chủ động phân bổ sử dụng hiệu quả, phù hợp yêu cầu thực tế địa phương (chỉnh trang Khu dân cư; tham quan, học tập kinh nghiệm các xã làm tốt);

- Đối với hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất: Phân bổ cụ thể đến từng mô hình được hỗ trợ sau khi đã khảo sát, lựa chọn có cam kết thực hiện của chủ mô hình.

- Đối với việc xây dựng các mô hình theo tiêu chí Sở, ngành: Thực hiện theo Thông báo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Đối với vốn hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, Khu dân cư mẫu: Phân bổ cụ thể đối với từng vườn mẫu, khu dân cư mẫu.

- Đối với vốn hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Phân bổ cụ thể đến nội dung, công việc thực hiện sau khi có sự thống nhất của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (UBND xã và UBND cấp huyện đề xuất nội dung, công việc thực hiện theo hướng xây dựng mới hoặc nâng cấp mô hình điển hình đã có đảm bảo trở thành mẫu hình nổi bật, tạo điểm nhấn đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu).

- Đối với vốn hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm Bưu điện - Văn hóa xã, hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic, hỗ trợ lãi suất, kinh phí tuyên truyền, kinh phí quản lý phân bổ theo nội dung đã ghi đích danh.

- Đối với nội dung công việc khác: Phân bổ cụ thể đến từng nội dung, đối tượng thực hiện.

Sau khi có Quyết định phân bổ vốn của UBND xã, UBND xã phải gửi Quyết định về UBND cấp huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất 3 ngày kể từ ngày ký Quyết định. Trường hợp việc phân bổ vốn của xã không phù hợp với quy định, định hướng của cấp trên, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu UBND xã thực hiện điều chỉnh cho phù hợp trong thời hạn 5 ngày, sau thời hạn không có văn bản phản hồi xem như đồng ý, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm.

2. Cấp phát vốn

2.1. Đối với vốn Trái phiếu Chính phủ: Được chuyển trực tiếp cho Ban Quản lý xây dựng NTM xã (không qua ngân sách cấp huyện và cấp xã); Quy trình cấp phát vốn cụ thể như sau:

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã cung cấp cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (qua UBND cấp huyện tổng hợp gửi): Quyết định phân bổ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (chi tiết đến từng công trình); quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và gửi Mã dự án đầu tư (trường hợp chưa có mã thì phải tiến hành làm thủ tục mở mã dự án đầu tư) cho Sở Tài chính (có thể qua Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện). Khi đủ các loại hồ sơ đó Sở Tài chính thực hiện nhập dự toán vào hệ thống TABMIS theo quy định.

- Căn cứ vào số dư dự toán vốn Trái phiếu Chính phủ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã trực tiếp làm thủ tục tạm ứng hoặc thanh toán vốn tại KBNN cấp huyện theo đúng quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2.2. Đối với vốn Ngân sách Trung ương, tỉnh

a. Cấp phát vốn cho các địa phương

Nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được cấp cho các địa phương thông qua hình thức chi bổ sung có mục tiêu (qua ngân sách cấp huyện).

b. Cấp phát vốn cho các đơn vị cấp tỉnh

Các đơn vị cấp tỉnh lập Phương án gửi Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh thống nhất nội dung; Sở Tài chính căn cứ Phương án – Dự toán của đơn vị và ý kiến của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh làm thủ tục cấp phát kinh phí cho các đơn vị theo đúng quy định.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

1. Vốn đầu tư phát triển:

1.1. Xác định danh mục các công trình:

Trên cơ sở Đề án xây dựng nông thôn mới, kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới và vốn được phân bổ hàng năm, Ban Quản lý Chương trình cấp xã lựa chọn các công trình, dự án cụ thể để hỗ trợ đầu tư nhằm đạt được mục tiêu hoàn thành và nâng cao mức chuẩn các tiêu chí nông thôn mới.

1.2. Quy trình và thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng:

1.2.1. Về quyết định chủ trương đầu tư:

- Đối với các dự án nhóm C quy mô nhỏ có kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (quy định tại khoản 1, điều 13, Nghị định 136/2015/NĐ-CP): UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư toàn bộ danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, điều 13, Nghị định 136/2015/NĐ-CP (không lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư từng dự án) và

dự kiến tổng mức đầu tư toàn bộ danh mục dự án, trong đó làm rõ cơ cấu các nguồn vốn đầu tư công và huy động các nguồn vốn khác trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 4, Điều 13, Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ.

Trong khi chưa có quy định của Thủ tướng về tiêu chí Dự án nhóm C quy mô nhỏ của các Chương trình MTQG có kỹ thuật không phức tạp và chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể tạm thời thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh, là các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có mức vốn đầu tư dưới 03 tỷ đồng, có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, có kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, nằm trên địa bàn thôn, bản.

- Đối với các dự án còn lại: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ (Chương II).

1.2.2. Về quyết định đầu tư:

- Đối với các dự án nhóm C quy mô nhỏ có kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (quy định tại khoản 1, điều 13, Nghị định 136/2015/NĐ-CP): Trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể, tạm thời được phép áp dụng hình thức lập dự toán công trình quy định tại quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 và quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh.

- Đối với các dự án còn lại: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ (Chương III).

1.2.3. Công tác lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

1.3. Về xác định nguồn vốn đầu tư các công trình:

Việc lập, phê duyệt Dự toán công trình, Dự án đầu tư cần xác định rõ cản đối nguồn vốn và thể hiện trong quyết định phê duyệt theo đúng yêu cầu của Luật Đầu tư công: khả năng bố trí của từng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nguồn hỗ trợ ngân sách cấp trên; nguồn ngân sách cấp xã; nguồn tài trợ; nguồn huy động khác). Đồng thời, phải quy định không chế mức tối đa đối với nguồn vốn NSNN theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Lưu ý:

- Không sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình nông thôn mới (ngân sách) để xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng hàng rào cứng bằng bê tông, gạch; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh.

- Đối với các công trình sử dụng tiền thưởng của xã đạt chuẩn năm trước không bắt buộc thực hiện theo cơ chế quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ nguồn vốn thưởng đảm bảo trên 50% tổng kinh phí xây dựng; phải có ghi biển rõ: Công trình Chủ tịch UBND tỉnh thường

xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trường hợp có sử dụng thêm vốn nông thôn mới (ngoài số vốn tiền thưởng) thì toàn bộ công trình phải thực hiện theo cơ chế tại quy định Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Các địa phương nghiêm túc thực hiện các quy định về kiểm soát đầu tư công, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và các quy định tại các văn bản số 1447/TTg-KTN ngày 13/8/2014, số 2003/TTg-KTN ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Không được để phát sinh thêm nợ mới, chỉ phê duyệt dự án khi đã xác định được nguồn vốn; tuyệt đối không yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân.

- Các quy định khác vẫn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 về việc quy định về cơ chế lồng ghép, quản lý và mức hỗ trợ của các nguồn vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh.”

2. Nguồn vốn sự nghiệp

2.1. Đối với việc hỗ trợ phát triển sản xuất

2.1.1. Xây dựng mô hình sản xuất có liên kết (do địa phương trực tiếp thực hiện)

a. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng mô hình sản xuất có liên kết với doanh nghiệp, trong đó có ít nhất khâu liên kết tiêu thụ sản phẩm, trường hợp chưa liên kết được khâu tiêu thụ thì ít nhất phải có 2 khâu khác có liên kết với doanh nghiệp (có hợp đồng).

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; mức hỗ trợ tối đa không vượt quá mức quy định của UBND tỉnh cho mỗi loại mô hình.

c. Quy trình thực hiện:

Ban quản lý Chương trình nông thôn mới phải tổ chức khảo sát, lựa chọn xây dựng mô hình sản xuất phân theo yêu cầu cần để làm mô hình mẫu nhân rộng đảm bảo hiệu quả; lập phương án - dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

2.1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất khác

a. Nội dung hỗ trợ: Khuyến khích phát triển sản xuất như hỗ trợ giống mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, xây dựng mô hình sản xuất...

b. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

c. Quy trình thực hiện: Ban quản lý Chương trình NTM xã lập Phương án - Dự toán trình UBND cấp huyện thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của

UBND cấp huyện, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

Lưu ý:

- Phương án - Dự toán thực hiện mô hình hoặc các nội dung công việc khác phải thể hiện rõ từng nội dung chi tiết; phần kinh phí nhà nước hỗ trợ phải đảm bảo đúng theo tỷ lệ mức được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh.

- Ngoài số vốn hỗ trợ từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Trung ương và tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các xã được huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện mô hình nhưng không được trái với các quy định hiện hành của nhà nước.

- Ngoài các nội dung đã được hỗ trợ từ nguồn vốn nông thôn mới, các mô hình sản xuất vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác của Trung ương, tỉnh còn hiệu lực nếu không trùng nội dung hỗ trợ (đối với những mô hình đã được hưởng chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình theo Nghị quyết HĐND tỉnh thì không được bố trí hỗ trợ từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới).

2.2. Vốn sự nghiệp khác

Cần ưu tiên thực hiện các nội dung như chỉnh trang Khu dân cư, môi trường, Quy hoạch – Thiết kế vườn hộ, tuyên truyền, tham quan học tập các xã làm tốt... Cần lập Phương án – Dự toán cho từng nội dung công việc cụ thể.

2.3. Đối với xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu

a. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện các nội dung theo 10 tiêu chí của Khu dân cư mẫu; ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế vườn (tất cả các vườn hộ đều có Sơ đồ thiết kế vườn hộ), hàng rào xanh, nước sạch và vệ sinh môi trường, sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, xử lý môi trường....

b. Định mức hỗ trợ

Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đối với Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đã hưởng chính sách tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì không được bố trí hỗ trợ từ nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trừ các Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được tỉnh lựa chọn để nâng cấp xây dựng thành điển hình làm điểm tham quan học tập).

c. Quy trình thực hiện

Ban quản lý Chương trình NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND xã phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất về nội dung thực hiện của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh (đối với Khu dân cư kiểu mẫu cấp huyện hoặc xã sử dụng ngân sách cấp huyện, cấp xã xây dựng, không phải xin ý kiến của VPĐP nông thôn mới tỉnh) và tổ chức thực hiện.

2.4. Đối với xây dựng vườn mẫu

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng vườn mẫu tại các hộ gia đình; ưu tiên các nội dung: quy hoạch vườn, hỗ trợ giống cây làm hàng rào

xanh, cây ăn quả, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới, sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, xử lý môi trường; làm hàng rào cột bê tông, thép gai, lưới B40 gắn với hàng rào cây xanh; hỗ trợ di dời công trình vệ sinh bất hợp lí (áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ chính sách).

b. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đối với vườn mẫu đã hưởng chính sách tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì không được bố trí hỗ trợ từ nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trừ các vườn mẫu được tỉnh lựa chọn để nâng cấp xây dựng thành điển hình làm điểm tham quan học tập).

c. Quy trình thực hiện:

- Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã lựa chọn các hộ đủ điều kiện để thực hiện xây dựng vườn mẫu; việc lựa chọn phải công khai và có sự bàn bạc, thống nhất với các thôn, UBND cấp huyện thẩm định, gửi danh sách về Hội làm vườn và Trang trại tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Hội làm vườn và Trang trại tỉnh và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh sẽ tổ chức kiểm tra và có văn bản thẩm tra khi cần thiết; trong thời hạn 10 ngày nếu không có ý kiến của Hội làm vườn và Trang trại tỉnh hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thì coi như thống nhất).

- Ban quản lý xây dựng NTM xã lập Phương án - Dự toán trình UBND xã phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh về nội dung) và tổ chức thực hiện.

- Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện.

- Đối với các vườn mẫu thực hiện từ nguồn vốn NS cấp huyện, cấp xã: Quy trình thực hiện do UBND cấp huyện và cấp xã quyết định.

2.5. Hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các xã lựa chọn một hoặc một số mô hình điển hình tiêu biểu để triển khai thực hiện, làm mẫu cho các địa phương trong tỉnh đến học tập, tham quan và nhân rộng mô hình.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

c. Quy trình thực hiện:

- UBND cấp huyện phối hợp với UBND xã lựa chọn mô hình đủ điều kiện để thực hiện.

- Ban Quản lý Chương trình NTM xã lập phương án - dự toán trình UBND xã phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh về nội dung) và tổ chức thực hiện.

2.6. Xây dựng mô hình du lịch làng xã nông thôn mới và Hỗ trợ xây dựng các điểm đến tham quan học tập cho các địa phương và phục vụ Hội nghị Hệ thống Văn phòng nông thôn mới toàn quốc về xây dựng nông thôn mới tổ chức tại Hà Tĩnh: Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan lựa chọn địa điểm, lập, phê duyệt Phương án – Dự toán và tổ chức thực hiện.

2.7. Hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm Bưu điện - Văn hóa xã

a. Nội dung hỗ trợ: Theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 02/7/2015.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

c. Quy trình thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông soát xét, lựa chọn các nội dung thực hiện (thống nhất với Văn phòng nông thôn mới tỉnh về nội dung thực hiện), hướng dẫn UBND, Ban quản lý Chương trình nông thôn mới các xã lập Phương án - Dự toán, các thủ tục khác theo quy định và tổ chức thẩm định; ban Quản lý Chương trình các xã phê duyệt và trực tiếp tổ chức thực hiện. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

2.8. Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học Hatimic theo Đề án “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất phân hữu cơ vi sinh giai đoạn 2014-2016, định hướng đến năm 2020” đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 28/4/2014.

b. Quy trình thực hiện:

- Trên cơ sở danh sách đăng ký nhu cầu của nhân dân, căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ, Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học & Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ban quản lý Chương trình NTM xã thống nhất danh sách các hộ, các cơ sở SXKD đăng ký sử dụng chế phẩm và thực hiện ký kết hợp đồng mua bán, cung cấp, chế phẩm và hướng dẫn thực hiện.

- UBND cấp xã tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách ở từng thôn; tổng hợp kết quả nghiệm thu gửi UBND cấp huyện. UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức phúc tra kết quả nghiệm thu cơ sở.

2.9. Kinh phí xây dựng mô hình theo tiêu chí Sở ngành

a. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các nội dung để xây dựng các mô hình theo tiêu chí của các sở ngành.

b. Định mức hỗ trợ: Định mức hỗ trợ các nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ được sử dụng ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; mức hỗ trợ tối đa không vượt quá mức quy định của UBND tỉnh cho mỗi mô hình.

c. Quy trình thực hiện:

- Các sở ngành phối hợp với các địa phương lựa chọn mô hình, địa điểm thực hiện và gửi văn bản đề xuất về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (cùng với văn bản đề xuất của xã và UBND cấp huyện), Văn phòng điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành (chỉ đạo mô hình) phân bổ cho các xã và chỉ đạo, thực hiện. Trên cơ sở phân bổ và thông báo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí cho các xã qua ngân sách cấp huyện.

- Đối với các Sở ngành (có mô hình được lựa chọn):

+ Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các xã lập Phương án - Dự toán và tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt mô hình được đăng ký.

+ Thực hiện thẩm định Phương án - Dự toán thực hiện của xã và chỉ đạo, kiểm tra và tham gia nghiệm thu kết quả thực hiện.

- Đối với xã (có mô hình triển khai trên địa bàn):

+ Lập Phương án - Dự toán trình các sở, ngành thẩm định, sau khi có Văn bản thẩm định của Sở, ngành, UBND xã phê duyệt, Ban quản lý Chương trình NTM xã tổ chức thực hiện.

+ Tổ chức triển khai xây dựng mô hình theo chỉ đạo, hướng dẫn của các sở ngành và Phương án - Dự toán được duyệt.

Kinh phí hỗ trợ được chuyển về cấp xã để triển khai thực hiện, trong đó dành ít nhất 85% kinh phí trực tiếp xây dựng mô hình; kinh phí quản lý, chỉ đạo tối đa không quá 5%; kinh phí hướng dẫn, kiểm tra tối đa không quá 10%.

2.10. Đối với xây dựng các mô hình đã giao Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Hội Nông dân tỉnh thực hiện

- Kinh phí chuyển về Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh và Hội nông dân tỉnh để quản lý và triển khai thực hiện mô hình (đơn vị được giao thực hiện mô hình).

- Các đơn vị được giao thực hiện mô hình phối hợp với các địa phương lựa chọn địa điểm, lập và phê duyệt Phương án - Dự toán (sau khi được sự thống nhất của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh về nội dung) để triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt mô hình đăng ký.

2.11. Đối với vốn hỗ trợ lãi suất

- Căn cứ định mức phân bổ cho xã, UBND cấp huyện cấp phát theo đề xuất của các xã (có thể giải quyết ứng từng đợt cho xã chủ động); cấp huyện được chủ động điều chuyển nguồn vốn giữa các xã. Các xã được chủ động triển khai thực hiện và nếu sử dụng vượt chỉ tiêu thông báo thì báo cáo UBND cấp huyện để điều chỉnh bổ sung. Đến trước ngày 30/10 hàng năm, UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thực hiện và dự kiến thực hiện đến hết năm về Sở Tài chính và Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh để tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chuyển nguồn giữa các huyện, thành phố, thị xã.

- Đối tượng, nội dung, quy trình hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất

từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các văn bản hướng dẫn thực hiện (Văn bản số 3739/HĐ-SNN ngày 11/9/2014 của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Văn bản số 885/SCT-KHTC ngày 03/9/2014 của Sở Công thương hướng dẫn việc xác định đối tượng và trình tự, thủ tục thực hiện); Văn số 2462/STC-NSHX ngày 30/9/2014 hướng dẫn việc thực hiện kiểm tra để xác định điều kiện, số tiền hỗ trợ lãi suất vay theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Thực hiện chi trả hỗ trợ: Căn cứ kế hoạch vốn được phân bổ (trường hợp thiếu có thể tạm ứng nguồn khác), Giấy xác nhận hoặc Bảng kê xác nhận lãi vay khách hàng được hỗ trợ do Tổ chức tín dụng cung cấp, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã kiểm tra, thanh toán.

2.12. Một số nội dung khác

2.12.1. Kinh phí đào tạo, tuyên truyền tập huấn cấp huyện (kinh phí để tại cấp huyện để tổ chức thực hiện)

- Đào tạo, tập huấn kiến thức nông thôn mới:

+ Đối tượng, nội dung: Theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

+ Quy trình thực hiện: UBND cấp huyện xây dựng nội dung, kế hoạch (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh; riêng đối với đào tạo cán bộ nông thôn mới thì có sự thống nhất với Trường Chính trị Trần Phú) để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

- Kinh phí Ngân sách trung ương và tỉnh hỗ trợ tuyên truyền: Chủ yếu mua trang thiết bị phục vụ tuyên truyền theo định hướng của Văn phòng điều phối cấp huyện.

2.12.2. Kinh phí đào tạo, tuyên truyền tập huấn cấp tỉnh

- Đào tạo cán bộ xây dựng nông thôn mới do Trường Chính trị Trần Phú chủ trì, tổ chức thực hiện:

+ Đối tượng, nội dung: Theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh

+ Quy trình thực hiện: Trường Chính trị Trần Phú xây dựng nội dung, kế hoạch (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) và phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo Kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

- Trang web, in ấn quảng bá mô hình điển hình và tuyên truyền khác (do Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì cùng phối hợp với các đơn vị khác): thực hiện duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, tuyên truyền và quảng bá các mô hình tiêu biểu, điển hình trong xây dựng nông thôn mới...

- Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn cho các tổ chức khác: các đơn vị được giao kinh phí thực hiện xây dựng kế hoạch và Phương án – Dự toán (có sự thống nhất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh), triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán nguồn kinh phí.

2.12.3. Kinh phí quản lý chỉ đạo cấp xã: hỗ trợ một phần cho cấp xã kinh phí quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn.

III. THỦ TỤC TẠM ỨNG, THANH TOÁN

1. Mở tài khoản:

a. Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã mở tài khoản đầu tư XDCB tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã) để làm tài khoản giao dịch.

b. Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã để thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển:

2.1. Hồ sơ dự án, mức vốn tạm ứng, và thanh toán khối lượng hoàn thành:

Hồ sơ, tài liệu ban đầu; từng lần tạm ứng, thanh toán thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; Văn bản số 4571/BTC-ĐT ngày 10/4/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý thanh toán, quyết toán vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; Văn bản số 10254/BTC-ĐT ngày 27/7/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn tạm ứng đối với các công việc của dự án được thực hiện theo hợp đồng và các quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

2.1.1. Đối với hồ sơ pháp lý ban đầu:

a. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu;
- Kế hoạch vốn hàng năm do UBND xã thông báo.

b. Đối với dự án thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật, đề xuất của nhà thầu);

- Kế hoạch vốn hàng năm do UBND xã thông báo.

2.1.2. Hồ sơ từng lần tạm ứng, thanh toán:

*** Hồ sơ tạm ứng:**

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư;

- Bảo lãnh tạm ứng đối với các hợp đồng có giá trị trên 1 tỷ đồng (trừ trường hợp giao cho cộng đồng dân cư thôn, những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình tự thực hiện theo các chương trình mục tiêu).

Mức vốn tạm ứng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN.

* Hồ sơ thanh toán khôi lượng hoàn thành:

+ Bảng xác định giá trị khôi lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (theo Phụ lục số 04, Thông tư 28/2012/TT-BTC);

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03, Thông tư 28/2012/TT-BTC);

+ Giấy rút vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (nếu có).

2.2. Quy định cụ thể một số nội dung thanh toán:

a. Gói thầu người dân, cộng đồng dân cư trong xã tự làm:

- Đối với những gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khôi lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, nhà nước đầu tư đến 3 tỉ đồng, mà người dân trong xã làm được, thì chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án để người dân trong xã thực hiện thi công và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật.

- Khi thực hiện hình thức này phải có giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ thủ tục tạm ứng, thanh toán như sau:

+ Văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân tự làm (nếu chưa quy định trong quyết định phê duyệt dự án).

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư với người dân thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia xây dựng bầu; có thể là tổ, đội xây dựng hay nhóm người có một người đứng ra chịu trách nhiệm).

+ Bảng xác định công việc hoàn thành đề nghị thanh toán theo mẫu tại phụ lục 04, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Gói thầu người dân trong xã tự làm mức vốn tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu.

- Việc tạm ứng, thanh toán phải thông qua Người đại diện; trường hợp Người đại diện không có tài khoản, chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

- Đối với các dự án ngân sách nhà nước hỗ trợ dưới 50% cơ chế quản lý, thanh toán do Ban quản lý và nhà tài trợ (nếu có) tự quy định.

Các gói thầu người dân trong xã tự làm thì không được thanh toán giá trị của các công việc người dân không thực hiện và thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

b. Đối với chi phí quản lý dự án và chi phí khác:

- Chi phí quản lý: Thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn NSNN và vốn TPCP; Công văn số 752/STC-TCDT ngày 11/4/2014 của sở Tài Chính hướng dẫn thực hiện Thông tư 05/2014/TT-BTC.

- Chi phí giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

Thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC; văn bản số 809/STC-ĐT ngày 15/5/2012 của sở Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về GSCĐ đối với dự án đầu tư XDCB.

Cụ thể:

- Lập phê duyệt dự toán kinh phí, bao gồm:
 - + Mua văn phòng phẩm, thông tin liên lạc;
 - + Chi phô tô, đánh máy tài liệu, báo cáo giám sát;
 - + Chi vận hành cho các cuộc họp, hội nghị giám sát (quy định tại thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài Chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị công lập);
 - + Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên ban GSĐT cộng đồng;
 - + Mức chi thù lao cho các thành viên tối đa không quá 70% mức lương tối thiểu (hệ số 1)/1người/1tháng. Nếu tham gia nhiều dự án thì tối đa là 100% lương tối thiểu (hệ số 1).

Lưu ý:

*Hồ sơ thanh toán giám sát cộng đồng các dự án NS xã:

- Văn bản giao nhiệm vụ của chủ đầu tư;
- Dự toán ban giám sát đầu tư của cộng đồng (UBND xã phê duyệt);
- Thanh toán về TKTG UBND xã.

Lưu ý: Đối với những dự án nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng); dự án do người dân trong xã tự làm mà chủ đầu tư không đủ năng lực giám sát và không thuê được tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, thì chủ đầu tư trình người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình. Định mức giám sát tối đa là 60% định mức do Bộ Xây dựng quy định.

- Chi phí tư vấn: Thực hiện theo định mức dự toán duyệt theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng. Trường hợp các chi phí tư vấn do chủ đầu tư tự thực hiện: chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí giám sát thi công...hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Văn bản giao nhiệm vụ;
- + Hợp đồng nội bộ;

- + Báo cáo kết quả thực hiện, kèm bảng tính giá trị quyết toán kinh phí;
- + Định mức được hưởng tối đa bằng 60% định mức chi phí tư vấn theo quy định hiện hành.

2.3. Một số lưu ý khác:

- Đối với công trình giao cho nhà thầu thực hiện, từng lần tạm ứng phải có bảo lãnh tạm ứng (bản sao y có đóng dấu của chủ đầu tư);
- Các dự án khởi công mới sử dụng vốn trực tiếp Chương trình MTQG về nông thôn mới được sử dụng vốn nông thôn mới không bắt buộc phải phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch và văn bản thẩm định nguồn vốn.

2.4. Thời hạn xử lý hồ sơ:

- Đối với tạm ứng và thanh toán từng lần: 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ;
- Đối với hồ sơ thanh toán một lần và thanh toán lần cuối: 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ;
- Đối với cuối năm: Thực hiện theo đúng Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm; các văn bản hướng dẫn bổ sung của Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ thanh toán vốn sự nghiệp:

Quy định về hồ sơ thủ tục và chế độ kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 161/2012/TT-BTC. Cụ thể như sau:

- 3.1. Đối với vốn hỗ trợ phát triển sản xuất; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; hỗ trợ vườn mẫu; xây dựng vườn mẫu.
 - Quyết định phân bổ vốn của UBND xã (chi tiết nội dung và nguồn vốn thực hiện);
 - Quyết định của xã về trích ngân sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện mô hình...
 - Dự toán kinh phí được duyệt;
 - Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ hoặc văn bản ký kết giữa người mua và người bán có xác nhận của xã (đối với loại phải hợp đồng);
 - Biên bản nghiệm thu; kèm bảng kê chứng từ thanh toán;
 - Các chứng từ khác có liên quan;
- Đối với các vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá khác mua của dân (không có hoá đơn) thì giá cả phải phù hợp với mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ thanh toán là giấy biên nhận mua bán của các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.
- 3.2. Đối với Tập huấn, Đào tạo cán bộ xây dựng nông thôn mới.

- Dự toán kinh phí;
- Hợp đồng, nghiêm thu thanh lý hợp đồng hoặc báo cáo kết quả thực hiện trong trường hợp có thuê giảng viên, hội trường, loa máy...(nếu có);
- Bảng kê chứng từ thanh toán.

3.3. Vốn hỗ trợ lãi suất:

- Kế hoạch vốn được phân bổ;
- Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay của UBND xã kèm theo danh sách các hộ được hỗ trợ (trong đó phải xác định rõ nội dung và nguồn vốn hỗ trợ);
- Biên bản kiểm tra xác nhận đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ đối với khách hàng (do Ban quản lý phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện);
- Danh sách nhận tiền của khách hàng (trường hợp thanh toán).

Lưu ý: để tạo điều kiện chủ động cho Ban quản lý, căn cứ vào kế hoạch vốn được phân bổ và Giấy xác nhận hoặc bảng kê xác nhận khách hàng được hỗ trợ do tổ chức tín dụng cung cấp, Ban quản lý xã được tạm ứng một khoản kinh phí để chi trả cho các đối tượng vay. Định kỳ 3-6 tháng thanh toán hoàn ứng với Kho bạc Nhà nước huyện nơi giao dịch.

- Hạch toán kinh phí: Hạch toán vào chi thường xuyên của xã.
- + Chương 860;
- + Khoản: Căn cứ lĩnh vực được hỗ trợ để hạch toán (hỗ trợ phục vụ chăn nuôi khoản 012, phục vụ trồng trọt thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp khoản 011...).
- + Tiêu mục 7758.

3.4. Thời gian xử lý hồ sơ:

- Trường hợp thanh toán các khoản chi có hồ sơ đơn giản: thời hạn xử lý trong một ngày làm việc.
 - Trường hợp thanh toán khoản chi có hồ sơ phức tạp: thời hạn xử lý là 02 ngày làm việc.
 - Trường hợp thanh toán tạm ứng: thời hạn xử lý tối đa là 03 ngày làm việc.

4. Hồ sơ ghi thu, ghi chi:

Đối với các công trình huy động nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân bằng ngày công, hiện vật để đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Căn cứ Hồ sơ thực hiện đầu tư xây dựng công trình được nghiêm thu, quyết toán, UBND xã lập Lệnh ghi thu (nguồn đóng góp), ghi chi (đầu tư công trình) gửi KBNN kèm theo các hồ sơ sau:

- Đối với các công trình chưa có hồ sơ thanh toán tại KBNN:
 - + Dự toán đầu tư công trình và quyết định phê duyệt dự toán đầu tư công trình.
 - + Quyết định của UBND cấp huyện cho phép áp dụng cơ chế đặc thù (theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND tỉnh).

- + Văn bản của người quyết định đầu tư cho phép người dân tự làm (nếu trong quyết định phê duyệt dự toán chưa quy định rõ).
- + Hợp đồng với giữa chủ đầu tư với người đại diện của tổ, nhóm thợ hoặc cộng đồng dân cư.
- + Bảng xác định giá trị khôi lượng công việc hoàn thành (theo mẫu tại phụ lục 04, Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính).
- + Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.
- Đối với các dự án, công trình đã có hồ sơ thanh toán tại KBNN huyện chỉ cần gử KBNN huyện thêm văn bản phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

IV. HẠCH TOÁN, TỔNG HỢP VÀ THEO DÕI NGUỒN VỐN

1. Hạch toán

- Tất cả các nguồn vốn trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gồm ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân), khi sử dụng (gồm cả tạm ứng và thanh toán) phải hạch toán vào mã chương trình MTQG 0391.

- Tổng hợp, làm thủ tục ghi thu, ghi chi đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước các nguồn đóng góp của nhân dân, các khoản ủng hộ, tài trợ để xây dựng nông thôn mới, nhằm phản ánh chính xác, đầy đủ nguồn lực đã huy động để thực hiện Chương trình nông thôn mới.

2. Kế toán

Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao cho xã quản lý, thực hiện được hạch toán, theo dõi trên cùng hệ thống sổ kế toán của xã (bao gồm qua ngân sách xã và nguồn vốn không qua ngân sách xã như vốn trái phiếu Chính phủ, vốn chương trình MTQG và nguồn mục tiêu khác trên địa bàn) theo quy định của Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính.

UBND xã phải mở sổ chi tiết theo dõi hoạt động thu, chi nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phục vụ tốt cho việc tổng hợp, báo cáo và thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...

3. Tổng hợp quyết toán

- Tổng hợp quyết toán ngân sách theo niên độ:

- + Nguồn vốn ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giao cho xã quản lý, sử dụng (qua ngân sách xã) được tổng hợp quyết toán chung vào ngân sách xã theo niên độ ngân sách quy định.

- + Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được tổng hợp quyết toán vào ngân sách Trung ương, UBND xã tổng hợp kết quả giải ngân theo niên độ báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

- Ngoài tổng hợp quyết toán theo niên độ ngân sách, UBND xã phải có tổng hợp quyết toán riêng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đảm bảo thực hiện tốt chế độ báo cáo theo yêu cầu và tổng hợp, theo dõi nguồn lực lũy kế từ khi thực hiện đến khi kết thúc Chương trình.

- Nguồn vốn nông thôn mới hàng năm nếu chưa sử dụng hết thực hiện chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng, không được sử dụng vào mục đích khác, trừ trường hợp có quy định khác của cấp có thẩm quyền.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

UBND cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo kết quả phân bổ, huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo các nội dung cụ thể sau:

1. Báo cáo phân bổ nguồn vốn

1.1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp báo cáo kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại cấp huyện và cấp xã.

1.2. Biểu mẫu báo cáo: Tổng hợp số liệu báo cáo theo biểu số 01DT và 02DT (đính kèm).

1.3. Thời gian báo cáo: Chậm nhất sau 30 ngày sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Trường hợp UBND cấp huyện hoặc xã có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung nguồn vốn thì chậm nhất sau 10 ngày (sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung), UBND cấp huyện phải kịp thời điều chỉnh, báo cáo bổ sung gửi các cơ quan theo quy định.

2. Báo cáo số liệu huy động và sử dụng nguồn vốn

2.1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp báo cáo kết quả huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (theo tháng).

2.2. Biểu mẫu báo cáo: Tổng hợp số liệu báo cáo theo các biểu 01TH, 02TH, 03TH, 04TH (đính kèm).

2.3. Thời gian báo cáo:

- Báo cáo tuần (gửi qua mạng): Định kỳ vào thứ 5 hàng tuần.

- Báo cáo tháng: Gửi trước ngày 5 của tháng sau.

- Báo cáo Quý: Gửi trước ngày 10 của tháng đầu tiên Quý tiếp theo.

3. Hình thức gửi báo cáo: Báo cáo gửi bằng văn bản (kèm theo biểu số liệu báo cáo quy định) gửi bằng đường công văn và qua hộp thư điện tử (email) hoặc phần mềm điều hành tác nghiệp (nếu có).

4. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh và Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Căn cứ nội dung trên, UBND cấp huyện quy định, hướng dẫn cụ thể nội dung, biểu mẫu, thời gian báo cáo kết quả thực hiện cho UBND xã và các đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo thực hiện tốt chế độ báo cáo theo yêu cầu.

B. Quản lý, sử dụng phần vốn được phân bổ thực hiện các nội dung thuộc các Chương trình MTQG trước đây lồng ghép vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo cơ chế quản lý, quy định riêng của từng Chương trình và theo quy định tại Quyết định phân bổ kinh phí hàng năm của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Văn phòng điều phối NTM tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Kho bạc Nhà nước tỉnh để giải quyết./.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
CHƯƠNG TRÌNH NTM TỈNH
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC



Trần Huy Oánh

KT. GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ



Hoàng Văn Sơn

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đồng

KT. GIÁM ĐỐC KHO BẠC
NHÀ NƯỚC TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Ty

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trưởng, phó Trưởng Ban chỉ đạo NTM tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND, BCĐ Chương trình NTM các huyện, thành phố, thị xã);
- UBND, BCĐ Chương trình NTM các xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Lưu VT: VPĐP NTM tỉnh, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, KBNN tỉnh.

DANH MỤC BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

TT	Nội dung	Số biểu	Ghi chú
I	Báo cáo phân bổ nguồn vốn		
1	Báo cáo kết quả phân bổ nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Biểu số 01DT	
2	Báo cáo kết quả phân bổ nguồn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tại các đơn vị và UBND xã	Biểu số 02DT	
II	Báo cáo tình hình huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM		
1	Báo cáo nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Biểu số 01TH	
2	Báo cáo nguồn vốn huy động đóng góp của Nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM	Biểu số 02TH	
3	Báo cáo nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách và dự án, công việc trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới	Biểu số 03TH	
4	Báo cáo nguồn vốn doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác đầu tư PTSX, chế biến trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới	Biểu số 04TH	

UBND HUYỆN (TP,TX)....

Biểu số 01DT

**BÁO CÁO PHÂN BỐ NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUYẾT ĐỊNH
CỦA UBND HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ) NĂM**

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo kết quả theo các quyết định hoặc thông báo của UBND cấp huyện)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Số tiền			Trái phiếu Chính phủ	Ghi chú	<i>DVT: Triệu đồng.</i>			
			Ngân sách các cấp								
			Cộng	NSTW và cấp tỉnh	NS cấp huyện						
I	Tổng cộng nguồn vốn										
1	Nguồn vốn năm trước chuyển sang										
2	Nguồn vốn bù sung trong năm										
II	Nguồn vốn đã phân bổ (1)										
A	Tổng hợp theo nội dung phân bổ (2)										
1	Đầu tư phát triển										
2	Vốn sự nghiệp										
-	Hỗ trợ trực tiếp PTSX										
-	Hỗ trợ lãi suất										
-	Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp										
-	Kinh phí môi trường										
-	Khu dân cư NTM kiểu mẫu										
-	Xây dựng vườn mẫu										
-	Xã NTM kiểu mẫu										
-	Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học HATIMIC										
-	Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn										
-	Quản lý, chỉ đạo, điều hành										

TT	Nội dung	Tổng cộng	Số tiền			Ghi chú
			Cộng	NSTW và cấp tỉnh	NS cấp huyện	
-	Khác					
B	Tổng hợp theo đơn vị được phân bổ (3)					
1	Văn phòng nông thôn mới cấp huyện					
2	UBND các xã					
2.1	Xã A					
2.2	Xã B					
2.3					
III	Kinh phí còn lại chưa phân bổ					
1	(chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ)					
2	(chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ)					

Báo cáo rõ lý do chưa phân bổ

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

....., ngày tháng năm

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: Nguồn vốn đã phân bổ (1) được tổng hợp theo cả 2 tiêu chí *Nội dung phân bổ* (2) và *Đơn vị được phân bổ* (3).

UBND HUYỆN (TP, TX)....

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC ĐƠN VỊ VÀ UBND XÃ NĂM

Biểu số 02DT

(Dùng cho UBND cấp huyện tổng hợp kết quả phân bổ tại các đơn vị và UBND cấp xã)

TT	Nội dung	Tổng cộng	Số tiền				ĐVT: Triệu đồng.	Ghi chú		
			Ngân sách các cấp			Vốn trái phiếu Chính phủ				
			Công	NSTW và cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã (2)				
I	Nguồn vốn được phân bổ (1)									
1	Nguồn vốn năm trước chuyển sang									
2	Nguồn vốn bổ sung trong năm									
II	Nguồn vốn đã phân bổ									
1	Văn phòng nông thôn mới cấp huyện									
1.1	Đào tạo									
1.2	Tuyên truyền, tập huấn									
1.3	Quản lý, điều hành									
1.4	Khác									
2	UBND các xã									
2.1	Đầu tư phát triển									
2.2	Vốn sự nghiệp									
-	Hỗ trợ trực tiếp PTSX									
-	Hỗ trợ lãi suất									
-	Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp									
-	Kinh phí môi trường									
-	Khu dân cư NTM kiểu mẫu									

TT	Nội dung	Số tiền					Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách các cấp			Vốn Trái phiếu Chính phủ		
			Công	NSTW và cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã (2)		
-	Xây dựng vườn mẫu							
-	Xã NTM kiểu mẫu							
-	Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học HATIMIC							
-	Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn							
-	Quản lý, chỉ đạo, điều hành							
-	Khác							
III	Kinh phí còn lại chưa phân bổ							
1	(Chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ)							
2	(Chi tiết nội dung nguồn vốn chưa phân bổ)							

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

....., ngày ... tháng ... năm 20...

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: - Nguồn vốn được phân bổ (1): Bao gồm nguồn vốn được phân bổ theo quyết định của UBND cấp huyện (đối với nguồn vốn NSTW, NS tinh, NS huyện và nguồn Trái phiếu Chính Phủ) và nguồn vốn ngân sách xã bố trí theo Nghị quyết của HĐND cấp xã hoặc quyết định của UBND cấp xã).

- Nguồn ngân sách xã (2) không bao gồm nguồn vốn đóng góp của Nhân dân và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để XD nông thôn mới.

**BÁO CÁO NGUỒN VỐN TRỰC TIẾP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1)
THÁNG (QUÝ, NĂM)....**

TT	Nội dung	I. Nguồn vốn huy động (2)										II. Nguồn vốn đã sử dụng (3)								III. Nguồn vốn còn lại chưa sử dụng chuyển kỳ sau							
		1. Năm trước chuyển sang					2. Huy động trong năm					I. Sử dụng trong tháng				Lũy kế từ đầu năm											
		Tổng cộng	Cộng	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Cộng	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Cộng	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Cộng	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Cộng	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu
	Tổng cộng																										
I	Kinh phí đã phân bổ																										
2.1	Đầu tư phát triển																										
2.2	Vốn sự nghiệp																										
	- Hỗ trợ trực tiếp PTSX																										
	- Hỗ trợ lãi suất																										
	- Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp																										
	- Kinh phí môi trường																										
	- Khu dân cư NTM kiểu mẫu																										
	- Xây dựng vườn mẫu																										
	- Xã NTM kiểu mẫu																										
	- Hỗ trợ KP sử dụng chế phẩm sinh học HATIMIC																										
	- Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn																										
	- Quản lý, chỉ đạo, điều hành																										
	- Khác																										
II	KP còn lại chưa phân bổ																										
1	Xây dựng MHSX quy mô KT hộ có liên kết với Doanh nghiệp																										
2	Đào tạo, tuyên truyền, tập huấn																										

TT	Nội dung	I. Nguồn vốn huy động (2)										II. Nguồn vốn đã sử dụng (3)								III. Nguồn vốn còn lại chưa sử dụng chuyển kỳ sau						
		Tổng cộng	1. Năm trước chuyển sang					2. Huy động trong năm					I. Sử dụng trong tháng				Lũy kế từ đầu năm									
			Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Công	NSTW , tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Trái phiếu	Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
3																								

KBNN HUYỆN (TP, TX)

VĂN PHÒNG NTM
HUYỆN (TP, TX)

PHÒNG TC-KH HUYỆN (TP, TX)

UBND HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú: - **Nguồn vốn trực tiếp thực hiện chương trình (1)** bao gồm nguồn vốn NS các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã), vốn trái phiếu Chính Phủ được bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (khi sử dụng phải được gắn mã CTMT 0391); riêng vốn ngân sách xã không bao gồm số vốn huy động đóng góp của nhân dân để thực hiện Chương trình nông thôn mới đã nộp vào NSNN hoặc đã thực hiện ghi thu, ghi chi vào NSNN (được tổng hợp ở biểu số 02TH).

- **Nguồn vốn huy động (2):** Bao gồm các nguồn vốn bố trí trực tiếp thực hiện Chương trình theo quyết định của UBND cấp huyện và cấp xã.
- **Nguồn vốn đã sử dụng (3):** Bao gồm cả số vốn tạm ứng thanh toán và số vốn đã thanh toán.

UBND HUYỆN (TX,TP)....

Biểu số 02TH

**BÁO CÁO NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN VÀ TÀI TRỢ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (1)
THÁNG (QUÝ, NĂM)....**

TT	Nội dung	Tổng số		ĐVT: Triệu đồng.			
		Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong đó	1. Đã nộp hoặc đã ghi thu - ghi chi vào NSNN (2)	2. Chưa nộp hoặc chưa ghi thu - ghi chi vào NSNN (3)	Trong tháng
I	Vốn đóng góp của nhân dân			Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm
1	Đóng góp bằng tiền						
2	Đóng góp bằng hiện vật, ngày công, hiến đất, hiến cây....						
II	Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân						
1	Hỗ trợ bằng tiền						
2	Hỗ trợ bằng hiện vật, ngày công....						

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

PHÒNG TC - KH HUYỆN (TP, TX)

....., ngày ... tháng.... năm.....

Ghi chú:

UBND HUYỆN (TP, TX)

- Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (1) bao gồm nguồn huy động đóng góp của nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Ngoài số vốn đóng góp, tài trợ của nhân dân và các tổ chức cá nhân để thực hiện các đề án, chính sách và dự án, nhiệm vụ khác trên địa bàn các xã đã được tổng hợp ở biểu số 03TH).

- **Đã nộp hoặc đã ghi thu - ghi chi vào NSNN (2):** Là nguồn huy động đóng góp của nhân dân, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM đã nộp vào NSNN hoặc đã ghi thu, ghi chi vào NSNN (khi sử dụng hoặc ghi thu, ghi chi vào NSNN phải gắn mã CTMT 0391).

- **Chưa nộp hoặc chưa ghi thu - ghi chi vào NSNN (3):** Là nguồn huy động đóng góp của nhân dân, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chương trình NTM chưa nộp vào NSNN hoặc chưa làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào NSNN.

UBND HUYỆN (TX,TP)....

Biểu số 03TH

Báo cáo số 03/TB
BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐÃ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ

THÁNG (QUÝ, NĂM)...

(Không bao gồm các nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình đã được tổng hợp ở biểu số 01TH và nguồn đóng góp, tài trợ của nhân dân và các tổ chức, cá nhân đã được tổng hợp ở biểu số 02TH)

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện											
		Phát sinh trong tháng						Lũy kế từ đầu năm					
		Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Nguồn đóng góp của ND, tài trợ của các tổ chức, cá nhân	Nguồn khác	Công	NSTW, tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Nguồn đóng góp của ND, tài trợ, của các tổ chức, cá nhân	Nguồn khác
II	Nguồn vốn thực hiện các dự án, công việc khác trên địa bàn xã nông thôn mới (2)												
1	Nguồn vốn ngân sách các cấp đầu tư trực tiếp các công trình												
2	Nguồn vốn Chương trình MTQG - (Tên từng chương trình MTQG đã thực hiện)												
3	Nguồn vốn trái phiếu												
4	Nguồn vốn tín dụng ưu đãi												
5	Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài												
5.1	Dự án IFAD												
5.2	Dự án.....												
6	Nguồn khác - (chi tiết theo từng nội dung nguồn vốn)												
	Tổng cộng												

VĂN PHÒNG NTM HUYỆN (TP, TX)

Ghi chú:

- Nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách (1): Tổng hợp các nguồn vốn để thực hiện các đề án, chính sách do Trung ương và các cấp chính quyền địa phương ban hành được triển khai trên địa bàn các xã.

- Nguồn vốn thực hiện các dự án, công việc khác (2): Tổng hợp các nguồn vốn để triển khai các dự án, công việc trên địa bàn xã (bao gồm cả nguồn vốn do cấp huyện, cấp tỉnh và trung ương làm chủ đầu tư) - Ngoài số vốn đã được tổng hợp ở nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách (1) ở mục I, biểu

PHÒNG TC - KH HUYỆN (TP, TX)

....., ngày.... tháng.... năm....

UBND HUYỆN (TP, TX)